TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN C R** **THÀNH PHỐ C T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HNST
Ngày: 27/02/2023
Về việc: *"Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C R, THÀNH PHỐ C T

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà *Trần Thị Hồng Gấm*.
- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông *Nguyễn Văn Sáng*.

Ông *Nguyễn Văn Mến*.

- Thư ký phiên tòa: Bà *Võ Thị Phi Liễu* – Thư ký Tòa án nhân dân quận C R, thành phố C T.

Trong ngày 27/02/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C R, thành phố C T tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 223/2022/TLST-HN ngày 29 tháng 12 năm 2022 về *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2023/QĐST-HN ngày 14/02/2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà **Huỳnh T M H**, sinh năm 1987. (Có đơn xin vắng mặt)

HKTT: 176A ấp Phước Hậu, xã T P, huyện C T, tỉnh B T.

Địa chỉ liên hệ: Số 264, tổ 19, Tân Thanh, phường H L, thành phố Đ B, tỉnh Đ B.

* *Bị đơn*: Ông **Cao H D**, sinh năm 1981. (Có đơn xin vắng mặt)

HKTT: 46/5b khu vực vực Yên Thượng, phường L B, quận C R, thành phố C T.

Chỗ ở hiện nay: Đường số 5, khu dân cư T P, phường T P, quận C R, thành phố C T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn – bà Huỳnh T M H trình bày*:

Về hôn nhân: Bà và ông Cao H D tự tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L B, quận C R, thành phố C T vào ngày 15/07/2011. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Theo bà H trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng cự cãi thường xuyên nên

không thể sống chung với nhau. Bà đã nhiều lần tìm cách hàn gắn quan hệ tình cảm vợ chồng nhưng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Nay tình cảm đã thật sự rạn nứt không còn nên bà yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn với ông Cao H D.

Về con chung: Có 02 con chung tên Cao H D K (Nam), sinh ngày 07/09/2006 và Cao H G B (Nam), sinh ngày 15/12/2011. Khi ly hôn thì bà đồng ý giao hai con cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng và bà không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp giải quyết thành vụ kiện khác.

Về nợ chung: Không có.

* *Phần trình bày của bị đơn ông Cao H D*: Ông và bà Huỳnh T M H tự tìm hiểu và tiến đến chung sống vào năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L B, quận C R, thành phố C T vào ngày 15/07/2011. Nay việc bà H yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có 02 con chung tên Cao H D K (Nam), sinh ngày 07/09/2006 và Cao H G B (Nam), sinh ngày 15/12/2011. Khi ly hôn thì đồng ý nuôi hai con và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp giải quyết thành vụ kiện khác.

Về nợ chung: Không có.

Do nguyên đơn và bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hòa giải được mà phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin vắng mặt do đó Hội đồng xét xử công bố lời khai của các đương sự và tiến hành xét xử theo quy định của của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Bà Huỳnh T M H và ông Cao H D tự nguyện tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Khi phát sinh tranh chấp thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết và quan hệ này được Luật hôn nhân gia đình điều chỉnh, tranh chấp giữa các đương sự thuộc quan hệ *"Tranh chấp ly hôn"*. Mặc khác, bị đơn ông D có địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú tại quận C R, thành phố C T nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận C R theo quy định tại khoản 1 Điều 28;

điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về phần thủ tục*:

Bà H và ông D đã được triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên chấp nhận. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà H , ông D là có cơ sở.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:*

Bà H và ông D tự nguyện tiến tới hôn nhân, thời gian đầu chung sống hạnh phúc về sau phát sinh mâu thuẫn. Theo bà H mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cự cãi. Mặc dù, bà đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không mang lại kết quả. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông Duy. Ông D đã được triệu tập và có bản tự khai thống nhất việc yêu cầu ly hôn với bà H , đều này thể hiện mối quan hệ hôn nhân của cả hai không thể hàn gắn, duy trì hạnh phúc. Vì vậy, yêu cầu giải quyết ly hôn của bà H là có cơ sở để chấp nhận.

[4] *Về con chung*:

Có 02 con chung tên Cao H D K (Nam), sinh ngày 07/09/2006 và Cao H G B (Nam), sinh ngày 15/12/2011. Nhận thấy, cháu Khoa và cháu Bảo đã trên 07 tuổi, trong quá trình giải quyết vụ án Toà án cũng đã hỏi nguyện vọng của hai cháu thì hai cháu xác định được tiếp tục ở với ba khi ba mẹ ly hôn. Tại bản tự khai, bà H cũng đồng ý giao con cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay hai con đang sống chung với ông D nếu thay đổi hoàn cảnh sống, điều kiện sống sẽ ảnh hưởng đến môi trường sống, tâm sinh lý của các cháu. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Khoa và cháu Bảo cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng. Việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là trách nhiệm của người không trực tiếp nuôi dưỡng, ông D tại bản tự khai cũng không yêu cầu bà H vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung và bà H cũng không đặt vấn đề tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] *Về tài sản chung*: Không có, không yêu cầu xem xét. Nếu sau này có tranh chấp thì giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] *Về nợ chung*: Không có.

[7] *Về án phí sơ thẩm*:

Nguyên đơn phải nộp án phí Hôn nhân và Gia đình theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh T M H.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của bà Huỳnh T M H đối với ông Cao H D.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Cao H D K (Nam), sinh ngày 07/09/2006 và Cao H G B (Nam), sinh ngày 15/12/2011. Giao các con cho ông Cao H D trực tiếp nuôi dưỡng và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho bà Huỳnh T M H không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích mọi mặt của con, các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét, giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì giải quyết thành vụ kiện khác.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chuyển tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008846 ngày 27/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận C R, thành phố C T thành án phí.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- ***Nơi nhận:***

+ VKSND quận C R;
+ Chi Cục THADS quận C R;
+ UBND phường L B,
Q. C R, TP. C T;
+ Các đương sự;
+ Lưu hồ sơ vụ án.

(ĐÃ KÝ)

TRẦN THỊ HỒNG GẤM